

Số: 50/TB-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 01 năm 2018

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo liên thông theo hình thức vừa làm vừa học năm 2018

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Trường Đại học Đồng Tháp thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông theo hình thức vừa làm vừa học năm 2018, cụ thể như sau:

I. Ngành đào tạo, mã ngành và môn thi (Xem bảng đính kèm)

II. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự thi

Tất cả những người có đủ điều kiện sau đây đều được dự thi:

1. Đã tốt nghiệp cao đẳng đúng chuyên ngành (*liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học*); tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp đúng chuyên ngành (*liên thông từ trung cấp lên đại học*); riêng ngành Giáo dục Chính trị tuyển cả những người đã tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc cao đẳng sư phạm một ngành khác.

2. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

3. Được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương đồng ý cho đi học;

4. Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ theo quy định của trường.

III. Hình thức đào tạo

Người học theo hình thức vừa làm vừa học, thực hiện Quy chế về tuyển sinh, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học, sau khi kết thúc khóa học, nếu đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp của hình thức này thì người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng hình thức vừa làm vừa học.

IV. Thời gian và kinh phí đào tạo

1. Thời gian đào tạo:

a) Liên thông từ trình độ trung cấp chuyên nghiệp lên đại học là 3 năm.

b) Liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học là 2 năm.

2. Kinh phí đào tạo lấy từ nguồn thu học phí của người học. Mức thu học phí được quy định cho từng ngành đào tạo và theo đúng quy định hiện hành của Liên Bộ Tài chính – Giáo dục và Đào tạo.

3. Lệ phí hồ sơ ĐKDT, lệ phí dự thi và học phí bồi dưỡng kiến thức

a) Lệ phí hồ sơ ĐKDT: 60.000đ

b) Lệ phí dự thi:

- Đối với các ngành không năng khiếu: 105.000đ.



- Đối với các ngành năng khiếu như : Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục Thể chất: 300.000đ.

c) Học phí bồi dưỡng kiến thức: 450.000đ.

V. Thủ tục và hồ sơ đăng ký dự thi

1. Mỗi thí sinh làm một bộ hồ sơ đăng ký dự thi theo mẫu quy định của Bộ GD&ĐT, có phát hành tại phòng Đào tạo Trường Đại học Đồng Tháp, một bộ hồ sơ đăng ký dự thi gồm có:

a) Một phiếu tuyển sinh có dán ảnh 4x6 và có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương đồng ý cho đi học;

b) Hai ảnh chụp theo kiểu chứng minh thư cỡ 4x6 có ghi họ tên và ngày tháng năm sinh của thí sinh ở mặt sau;

c) Bản sao có công chứng văn bằng tốt nghiệp;

d) Bản sao có công chứng giấy khai sinh hoặc giấy chứng minh nhân dân;

e) Bản sao có công chứng kết quả học tập toàn khóa;

g) Hai phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh.

2. Địa điểm nộp hồ sơ ĐKDT: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Đồng Tháp (Phòng 201 – Dãy B1).

3. Thời hạn nhận hồ sơ ĐKDT: Kể từ ngày ra thông báo đến ngày 01/7/2018.

VI. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức và thi tuyển

1. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức

a) Đăng ký bồi dưỡng kiến thức tại phòng Đào tạo (Phòng 201 – Dãy B1) trước ngày 05/7/2018.

b) Thời gian bồi dưỡng kiến thức: Ngày 07, 08, 14, 15, 21, 22/7/2018.

c) Địa điểm bồi dưỡng kiến thức: Trường Đại học Đồng Tháp.

2. Tổ chức thi tuyển

a) Ngày thi: 28, 29/7/2018.

b) Địa điểm thi: Trường Đại học Đồng Tháp.

Mọi chi tiết cần hỏi xin vui lòng liên hệ phòng Đào tạo (Phòng 201 – Dãy B1) Trường Đại học Đồng Tháp, địa chỉ: số 783, đường Phạm Hữu Lầu, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, điện thoại: 0277.8 515 516 hoặc truy cập Website theo địa chỉ www.dthu.edu.vn/.

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục Đại học;
- Công bố Website, Egov;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Đệ



DANH MỤC NGÀNH TUYỂN SINH

ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG THEO HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số: 50 /TB-ĐHDT ngày 14 /01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trình độ	Chỉ tiêu	Môn thi		
					Cơ bản	Cơ sở	Chuyên ngành
1.	Giáo dục Mầm non (TC – ĐH)	7140201	Đại học	100	Chính trị	Tâm lý học trẻ mầm non	Văn học
2.	Giáo dục Tiểu học (TC – ĐH)	7140202	Đại học	100	Chính trị	Toán và PPDH	Tiếng Việt và PPDH
3.	Công tác xã hội (TC – ĐH)	7760101	Đại học	50	Chính trị	Nhập môn công tác xã hội	Hành vi con người và môi trường xã hội
4.	Kế toán (TC – ĐH)	7340301	Đại học	50	Chính trị	Kinh tế vi mô	Nguyên lý kế toán
5.	Sư phạm Âm nhạc (TC – ĐH)	7140221	Đại học	50	Chính trị	Hát	Thẩm âm và Tiết tấu
6.	Sư phạm Mỹ thuật (TC – ĐH)	7140222	Đại học	50	Chính trị	Hình họa	Bố cục
7.	Giáo dục Mầm non	7140201	Đại học	100	Triết học	Tiếng Việt – Văn học	CS và GD trẻ mầm non
8.	Giáo dục Tiểu học	7140202	Đại học	100	Triết học	Toán và PPDH	Tiếng Việt và PPDH
9.	Giáo dục chính trị	7140205	Đại học	50	Triết học	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Chủ nghĩa xã hội khoa học
10.	Giáo dục Thể chất	7140206	Đại học	50	Triết học	Lý thuyết ĐK – TD	Thực hành ĐK – TD
11.	Sư phạm Toán học	7140209	Đại học	50	Triết học	Đại số	Giải tích
12.	Sư phạm Tin học	7140210	Đại học	50	Triết học	Kỹ thuật lập trình	PPDH Tin học
13.	Sư phạm Vật lý	7140211	Đại học	50	Triết học	Cơ - Nhiệt đại cương	Điện - Quang đại cương
14.	Sư phạm Hóa học	7140212	Đại học	50	Triết học	Hóa học đại cương	Hóa học vô cơ
15.	Sư phạm Sinh học	7140213	Đại học	50	Triết học	Di truyền học	PPDH Sinh học
16.	Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp	7140214	Đại học	50	Triết học	Vẽ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật



STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trình độ	Chỉ tiêu	Môn thi		
					Cơ bản	Cơ sở	Chuyên ngành
17.	Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp	7140215	Đại học	50	Triết học	Tế bào học	Sinh lí vật nuôi
18.	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Đại học	50	Triết học	Lý luận văn học	Văn học Việt Nam
19.	Sư phạm Lịch sử	7140218	Đại học	50	Triết học	Lịch sử thế giới	Lịch sử Việt Nam
20.	Sư phạm Địa lý	7140219	Đại học	50	Triết học	Địa lý tự nhiên Việt Nam	Địa lý KT-XH Việt Nam
21.	Sư phạm Âm nhạc	7140221	Đại học	50	Triết học	Hát và xướng âm	Đàn và Hòa âm
22.	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	Đại học	50	Triết học	Hình họa chì	Bố cục
23.	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Đại học	50	Triết học	Kỹ năng nói	Ngữ pháp, đọc hiểu
24.	Ngôn ngữ Anh	7220201	Đại học	50	Triết học	Kỹ năng nói	Ngữ pháp, đọc hiểu
25.	Khoa học thư viện (Thư viện thông tin)	7320201	Đại học	50	Triết học	Thư viện học đại cương – Thư mục học đại cương	Mô tả tài liệu – Công tác người đọc
26.	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Đại học	50	Triết học	Kinh tế vi mô	Lý thuyết Tài chính Tiền tệ
27.	Kế toán	7340301	Đại học	50	Triết học	Kinh tế vi mô	Nguyên lý kế toán
28.	Quản trị kinh doanh	7340101	Đại học	50	Triết học	Kinh tế vi mô	Quản trị học
29.	Khoa học máy tính (CNTT)	7480101	Đại học	50	Triết học	Toán rời rạc	Kỹ thuật lập trình
30.	Công tác xã hội	7760101	Đại học	50	Triết học	Nhập môn công tác xã hội	Hành vi con người và môi trường xã hội
31.	Nuôi trồng thủy sản	7620301	Đại học	50	Triết học	Sinh lí và dinh dưỡng động vật thủy sản	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thủy sản nước ngọt
32.	Quản lý đất đai	7850103	Đại học	50	Triết học	Trắc địa bản đồ	Pháp luật đất đai

76